

Bản án số: 52/2020/DSPT
Ngày 16 - 6 - 2020
V/v Tranh chấp đòi lại tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Bình

Các Thẩm phán: Ông Đặng Văn Hùng

Ông Thiềm Quốc Khanh

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Vũ Dương - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa: Ông Lâm Thành Them - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 82/2020/TLPT-DS ngày 25 tháng 3 năm 2020 về việc “Tranh chấp đòi lại tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 29/2019/DSST ngày 26 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân quận M bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 109/2020/QĐPT-DS ngày 28 tháng 5 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Võ Văn T, sinh năm 1955

Địa chỉ: Khu vực B, phường H, quận M, thành phố Cần Thơ.

- Bị đơn: Bà Võ Thị Kim T1, sinh năm 1969

Địa chỉ: Khu vực H, phường A, quận M, thành phố Cần Thơ.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Võ Văn T1, sinh năm 1952 (Văn bản ủy quyền ngày 15/6/2020)

Địa chỉ: Khu vực B, phường H, quận M, thành phố Cần Thơ.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Võ Văn D, sinh năm 1970

Địa chỉ: Khu vực H, phường A, quận M, thành phố Cần Thơ.

- Người làm chứng:

1. Ông Nguyễn Văn T2, sinh năm 1965

Địa chỉ: Khu vực H, phường A, quận M, thành phố Cần Thơ.

2. Ông Nguyễn Giới N, sinh năm 1967

Địa chỉ: Khu vực L, phường H, quận M, thành phố Cần Thơ.

3. Ông Võ Văn N1, sinh năm 1966

Địa chỉ: Khu vực H, phường A, quận M, thành phố Cần Thơ.

4. Bà Võ Thị P, sinh năm 1952

Địa chỉ: Khu vực L, phường H, quận M, thành phố Cần Thơ.

5. Ông Võ Văn T3, sinh năm 1952

Địa chỉ: Khu vực H B, phường A, quận M, thành phố Cần Thơ.

6. Bà Trần Thị M, sinh năm 1956

7. Ông Võ Văn K, sinh năm 1981

Cùng địa chỉ: Khu vực B, phường H, quận M, thành phố Cần Thơ.

(Ông Võ Văn T, Võ Văn T1 có mặt, những người còn lại đều vắng mặt)

- Người kháng cáo: Bà Võ Thị Kim T1 là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Võ Văn T trình bày:

Mẹ ông là bà Võ Thị B (chết năm 2008), khi mẹ ông qua đời thì ông có nghe nói là mẹ ông có thiếu em của ông là Võ Thị Kim T1 một số vàng nhưng không rõ là bao nhiêu. Sau đó ông có cho em ruột là ông Võ Văn D mượn 11 chỉ vàng 24k, đến năm 2012 ông yêu cầu ông D trả số vàng trên nên ông D đã cố 01 công đất cho bà T1 với giá 11 chỉ vàng 24k để trả cho ông nhưng khi cố đất thì bà T1 chỉ đưa cho ông T 05 chỉ vàng 24k, còn lại 06 chỉ vàng để cản trừ nợ mà mẹ ông nợ của bà T1, ông cũng đồng ý cản trừ 06 chỉ vàng 24k. Tuy nhiên, đến cuối năm 2018 thì ông biết mẹ ông không có thiếu của bà T1 06 chỉ vàng 24k như bà T1 trình bày. Ông đã gặp bà T1 nhưng bà T1 cho rằng mẹ ông có thiếu nên mới lấy 06 chỉ vàng 24k, ông cho rằng mẹ ông không có thiếu vàng của bà T1, sự việc này có bà Võ Thị P cho ông biết.

Vì vậy, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả 06 chỉ vàng 24k, tương đương 21.720.000 đồng và tiền lãi 20.000.000 đồng tính từ năm 2012 cho đến nay (tính 1%/tháng).

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn trình bày:

Ông Võ Văn T có mượn của mẹ bà 07 chỉ vàng 24k nhưng không nhớ năm nào, trước khi mẹ bà chết từ 01 đến 02 năm. Lúc mẹ bà còn sống thì mẹ bà có đòi nhưng ông T không trả nên mẹ bà nói với ông T là bà mượn của Kim T1 và yêu cầu ông T trả nợ. Năm 2012, ông D cầm đất cho bà giá 10 chỉ vàng 24k, cầm đất không có giấy tờ, thỏa thuận miệng. Ông T, bà T1 và ông D thống nhất là bà T1

đưa cho ông T 05 chỉ vàng 24k và còn lại 05 chỉ vàng 24k ông T thay mẹ ông trả cho bà T1. Trước đó khoảng nửa tháng ông T có gửi cho bà T1 01 chỉ vàng 24k mà ông mượn của mẹ lúc trước, ông T còn thiếu lại mẹ bà 01 chỉ vàng 24k, các anh em đều biết và đến tháng 4/2019, anh em thống nhất để bà giữ 06 chỉ vàng để làm mả mả cho ông bà cha mẹ. Đến tháng 3/2019, anh chị em thống nhất kêu bà đưa 06 chỉ vàng cho bà Võ Thị P đem đi bán rồi đưa tiền cho ông Võ Văn T1 mua vật tư sửa sang mả mả. Sự việc ông T nợ mẹ của bà có một số anh em đều biết là bà Võ Thị P, Võ Văn T1, Võ Văn N1, Võ Văn D, ông Nguyễn Giới N.

Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì bà không đồng ý và yêu cầu Tòa án bác đơn yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Võ Văn D trình bày:

Nguyên vào năm 2008, ông T có mượn mẹ ruột là bà Võ Thị B 07 chỉ vàng 24k, bà B đã chết năm 2008. Năm 2012, ông có hỏi mượn của ông T 11 chỉ vàng 24k để giải quyết việc gia đình. Năm 2013, ông D cố đất (cố đất không có giấy tờ) cho bà T1 10 chỉ vàng 24k để trả cho ông T. Ông D cũng đồng ý để bà T1 đưa 10 chỉ vàng 24k cho ông T. Bà T1 đã đưa cho ông T 05 chỉ vàng 24k, còn 05 chỉ vàng thì bà T1 cản trở việc ông T đồng ý trả vàng cho bà B. Ông giữ nguyên ý kiến việc bà T1 giao 05 chỉ vàng 24k cho ông T. Ông D cho rằng sau khi cố đất cho bà T1 thì ông đã trả thêm 01 chỉ vàng 24k cho ông T. Ông D cho rằng đã trả đủ 11 chỉ vàng 24k cho ông T. Việc bà B có cho ông T mượn vàng hay không thì ông không có chứng kiến, chỉ nghe mẹ là bà B nói lại, khi nói thì không có ông T.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 29/2019/DSST ngày 26 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân quận M đã tuyên xử:

- Chấp nhận 01 phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Võ Văn T.

Buộc bà Võ Thị Kim T1 phải có trách nhiệm trả cho ông Võ Văn T 05 chỉ vàng 24k.

- Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn trả thêm 01 chỉ vàng 24k.

- Đình chỉ 01 phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cụ thể là số tiền lãi 20.000.000 đồng do nguyên đơn rút yêu cầu khởi kiện.

Bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các bên theo quy định của pháp luật.

Tại đơn kháng cáo đề ngày 06/12/2019, bị đơn bà Võ Thị Kim T1 kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm bác đơn khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người kháng cáo vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ gì mới.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ phát biểu ý kiến:

- Về thủ tục: Bị đơn có đơn kháng cáo và đóng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm trong hạn luật định nên kháng cáo hợp lệ về mặt hình thức. Hội đồng xét xử và các đương sự chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Ông Võ Văn D đồng ý cố đất cho bị đơn Võ Thị Kim T1 để trả vàng cho nguyên đơn Võ Văn T. Ông D và bị đơn đều thừa nhận bị đơn chỉ đưa cho nguyên đơn 05 chỉ vàng 24k. Bị đơn cho rằng nguyên đơn còn nợ bà Võ Thị B 07 chỉ vàng 24k nhưng không có căn cứ chứng minh. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và những người làm chứng không trực tiếp chứng kiến việc bà Ba cho nguyên đơn mượn vàng mà chỉ nghe nói. Trong khi nguyên đơn không thừa nhận. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận việc bị đơn phải trả cho nguyên đơn 05 chỉ vàng là phù hợp. Đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm; căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa và trên cơ sở xem xét toàn diện ý kiến của các bên đương sự, của Kiểm sát viên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật: Nguyên đơn ông Võ Văn T khởi kiện yêu cầu bị đơn bà Võ Thị Kim T1 trả 06 chỉ vàng 24k, tương đương 21.720.000 đồng và tiền lãi 20.000.000 đồng tính từ năm 2012 cho đến nay (tính 1%/tháng). Xét thấy, Tòa án nhân dân quận M thụ lý vụ án, xác định quan hệ pháp luật “Tranh chấp đòi lại tài sản” là đúng được quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về tố tụng: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Võ Văn D trong quá trình giải quyết vụ án từ giai đoạn sơ thẩm đã có yêu cầu giải quyết vắng mặt, đồng thời không có kháng cáo đối với bản án sơ thẩm. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt là phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 296 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Xét kháng cáo của bị đơn: Đơn kháng cáo của bị đơn nằm trong hạn luật định và có nộp tạm ứng án phí nên kháng cáo đảm bảo về mặt hình thức. Xét về nội dung kháng cáo, qua xem xét hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử xét thấy:

Các đương sự đều thống nhất việc ông Võ Văn D mượn của ông T 11 chỉ vàng 24k và việc ông D cố đất cho bà Toại để lấy 10 chỉ vàng 24k nhằm để trả cho ông T. Tuy nhiên, khi cố đất thì bà T1 chỉ đưa cho ông T 05 chỉ vàng 24k, còn lại 05 chỉ vàng thì bị đơn cho rằng ông T đã nợ mẹ của bị đơn nên cần trừ qua. Xét thấy, nguyên đơn không thừa nhận nợ vàng mẹ bị đơn, đồng thời bị đơn cũng không cung cấp được chứng cứ để chứng minh cho việc nguyên đơn nợ vàng mẹ của bị đơn. Mặt khác, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người làm chứng không có chứng kiến việc vay vàng giữa nguyên đơn và mẹ của bị đơn nên lời trình bày của bị đơn là không có căn cứ. Nguyên đơn đòi lại số vàng ông D đã cố đất cho bị đơn, ông D cố đất cho bà Toại tổng cộng là 10 chỉ vàng 24k nhưng bà Toại chỉ đưa cho ông D 05 chỉ vàng để ông D trả cho ông T, như vậy còn lại 05 chỉ vàng 24k thì bị đơn phải có nghĩa vụ giao trả.

Bị đơn kháng cáo đề nghị bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn vì cho rằng số vàng trên là tài sản do mẹ bị đơn để lại dùng cho việc thờ cúng của ông bà nhưng không có chứng cứ gì để chứng minh. Vì vậy, xét thấy kháng cáo của bị đơn là không có cơ sở để chấp nhận. Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp nên được Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

Những nội dung khác không có kháng cáo, kháng nghị nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn. Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Võ Văn T.

Buộc bà Võ Thị Kim T1 phải có trách nhiệm trả cho ông Võ Văn T 05 (năm) chỉ vàng 24k.

2. Không chấp nhận 01 phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn trả thêm 01 (một) chỉ vàng 24k.

3. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cụ thể là số tiền lãi 20.000.000 đồng do nguyên đơn rút yêu cầu khởi kiện.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn bà Võ Thị Kim T1 phải chịu số tiền là 1.184.000 đồng (Một triệu, một trăm tám mươi bốn ngàn đồng). Nguyên đơn ông Võ Văn T được nhận lại số tiền 1.034.500 đồng (Một triệu, không trăm ba mươi bốn ngàn, năm trăm đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí số 000027 ngày 16/4/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận M, thành phố Cần Thơ.

3. Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Võ Thị Kim T1 phải chịu số tiền là 300.000 đồng. Chuyển tiền tạm ứng án phí phúc thẩm bà Toại đã nộp theo biên lai thu số 010675 ngày 06/12/2019 do Chi cục thi hành án dân sự quận M, thành phố Cần Thơ đã thu. Công nhận bà T1 đã nộp xong.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND.TPCT;
- TAND quận M;
- Chi cục THADS quận M;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Văn Bình